

Ban Quan hệ Quốc tế - VCCI

HỒ SƠ THỊ TRƯỜNG CAMPUCHIA

Người liên hệ: Nguyễn Nam
Tel: 04.35742022 (máy lẻ 247)
Email: namn@vcci.com.vn

6.2016



HỒ SƠ THỊ TRƯỜNG CAMPUCHIA

MỤC LỤC

I. GIỚI THIỆU CHUNG	2
1. Các thông tin cơ bản	2
2. Lịch sử.....	3
3. Du lịch:.....	3
II. TÌNH HÌNH KINH TẾ	4
1. Tổng quan:.....	4
2. Các chỉ số kinh tế:.....	5
3. Những điểm mạnh của Campuchia và những lý do nên đầu tư vào Campuchia.	6
4. Về một số hạn chế trong việc đầu tư kinh doanh tại Campuchia và những nỗ lực hiện tại của Chính phủ để khắc phục những hạn chế này.	6
III. QUAN HỆ KINH TẾ THƯƠNG MẠI VỚI VIỆT NAM:	7
1. Văn bản đã ký kết:	7
2. Hợp tác Thương mại	7
3. Tình hình đầu tư:	9
4. Triển vọng phát triển kinh tế-thương mại với Việt Nam trong những năm tới:	9
3. Tập quán Kinh doanh:.....	10
IV. QUAN HỆ NGOẠI GIAO – CHÍNH TRỊ VỚI VIỆT NAM.....	11
1. Quan hệ ngoại giao:	11
2. Quan hệ chính trị:	11
V. QUAN HỆ HỢP TÁC VỚI VCCI	12
VI. ĐỊA CHỈ HỮU ÍCH	12
PHỤ LỤC THAM KHẢO	
Bảng 1. Xuất khẩu VN – Campuchia	
Bảng 2. Nhập khẩu VN – Campuchia	



I. GIỚI THIỆU CHUNG



1. Các thông tin cơ bản

Tên đầy đủ:	Vương quốc Campuchia (Cambodia)
Thể chế chính phủ:	Dân chủ đa đảng dưới chế độ quân chủ lập hiến
Thủ đô:	Phnom Penh
Ngày quốc khánh:	9 tháng 11 năm 1953
Đứng đầu nhà nước:	Quốc vương Norodom Sihamoni (từ 2004)
Đứng đầu chính phủ:	Thủ tướng Hun Sen (từ 1985)
Thành viên của các tổ chức quốc tế:	ADB, ARF, ASEAN, EAS, FAO, G-77, IBRD, ICAO, ICCt, ICRM, IDA, IFAD, IFC, IFRCs, ILO, IMF, IMO, Interpol, IOC, IOM, IPU, ISO (subscriber), ITU, MIGA, NAM, OIF, OPCW, PCA, UN, UNCTAD, UNESCO, UNIDO, UNMIS, UNWTO, UPU, WCO, WFTU, WHO, WIPO, WMO, WTO.
Diện tích:	181,035 km ²
Khí hậu:	nhiệt đới gió mùa.
Tài nguyên:	dầu, khí đốt, gỗ, đá quý, quặng, khí đốt, mangan, phốt phát
Dân số:	15,708,756
Tuổi trung bình:	24.5 tuổi
Dân tộc:	Khmer 90%, Việt Nam 5%, Trung Quốc 1%, dân tộc khác 4%
Tôn giáo:	Phật giáo 96.4%, Đạo hồi 2.1%, các đạo khác 1.5%
Tỉ giá với USD:	riels (KHR) USD – 4,080.3 (2015) ; 4,032.9 (2014); 4,027 (2013); 3,982.9 (2012); 4,085.9 (2011)
Ngôn ngữ:	Khmer (chính thức), tiếng Anh, tiếng Pháp



2. Lịch sử

Vương quốc Khơ-me ra đời vào cuối thế kỷ thứ 9 trên lãnh thổ của Phù-nam và Chân-lạp trước đây. Kinh đô lúc đó là Angkor. Từ cuối thế kỷ thứ 9 đến thế kỷ 13, Vương quốc Khơ-me phát triển cực thịnh. Từ thế kỷ 13 đến nửa đầu thế kỷ 19, các cuộc nội chiến và chinh phục của ngoại bang đã làm cho Vương quốc Khơ-me suy yếu.

Ngày 17/4/1975, Pol Pot lật đổ chế độ Cộng hoà của Lon Nol, thành lập nước "Campuchia dân chủ", thực hiện chế độ diệt chủng tàn khốc nhất trong lịch sử của Campuchia.

Ngày 2/12/1978, Mặt trận giải phóng dân tộc Campuchia ra đời do ông Heng Samrin làm Chủ tịch. Ngày 07/1/1979, với sự giúp đỡ của quân tình nguyện Việt Nam, nhân dân Campuchia đã đứng lên lật đổ chế độ diệt chủng Pol Pot-Iêng Xary, thành lập nước "Cộng hoà Nhân dân Campuchia", năm 1989 đổi thành "Nhà nước Campuchia" (SOC).

Ngày 6/10/2004, Quốc vương Sihanouk tuyên bố thoái vị; ngày 14/10/2004, Hội đồng Ngôi Vua bầu Hoàng tử Norodom Sihamoni làm Quốc vương mới. Ngày 29/10/2004, Quốc vương Sihamoni chính thức đăng quang.

3. Du lịch:

Thế mạnh du lịch mang lại nguồn thu rất lớn cho Campuchia, với hơn hai triệu lượt khách nước ngoài vào thăm Campuchia trong năm 2007.

Trong năm 2011, số lượng khách quốc tế tới Campuchia là 2,881,862 người, tăng 15% so với năm 2010.

Các danh lam thắng cảnh nổi tiếng của Campuchia là Thủ đô Phnôm Pênh, hoàng cung, đền Vàng, đồi Bà Pênh, Ăngco Thom, Ăngco Vát (tỉnh Xiêm Riệp), v.v...

Theo báo cáo số liệu du lịch 2013, Campuchia đã thu hút được 4,210,165 khách quốc tế tới thăm, tăng 17.5% so với năm 2012. Campuchia dự tính thu được hơn 2.5 tỷ USD từ du lịch năm 2013 (so với năm 2012 đạt 2.2 tỷ USD).

Việt Nam tiếp tục là quốc gia có lượng khách tới thăm Campuchia nhiều nhất với hơn 850 ngàn lượt khách tới vào năm 2013 (năm 2012 là 763 ngàn lượt). Tiếp theo là Trung Quốc, Hàn Quốc và Lào với số lượt khách tới thăm Campuchia vào khoảng 415,000 – 465,000 lượt.

http://www.tourismcambodia.org/images/mot/statistic_reports/tourism_statistics_annual_report_2013.pdf

Sang năm 2014, Cambodia đón tiếp hơn 4.5 triệu lượt khách du lịch quốc tế đạt mức tăng khoảng 7% so với 2013. Trong đó Việt Nam là quốc gia có lượng khách tới thăm nhiều nhất với hơn 100,000 lượt người.



Năm 2015, Cambodia đón 4.78 triệu lượt khách quốc tế, tăng 6.1% so với 2014. Thời gian ở lại trung bình của khách là 6.8 ngày. Việt Nam tiếp tục là quốc gia có lượng khách tới thăm nhiều nhất với gần 988 ngàn lượt khách.

http://www.tourismcambodia.org/mot/index.php?view=statistic_report

II. TÌNH HÌNH KINH TẾ

1. Tổng quan:

Campuchia là nước nông nghiệp (58% dân số làm nghề nông, nông nghiệp cũng chiếm tới gần 40% GDP của nước này), phụ thuộc nhiều vào điều kiện tự nhiên; có nhiều tài nguyên quý hiếm như đá quý, hồng ngọc, vàng, gỗ. Angkor Wat được xếp là một trong số các kì quan nổi tiếng của thế giới. Nền công nghiệp của Campuchia còn yếu kém.

Cambodia đã có tăng trưởng kinh tế mạnh mẽ trong thời gian gần đây. Kinh tế vĩ mô ổn định, tiếp tục giữ được mức tăng trưởng cao trên 8%/năm từ năm 2000 – 2010, và tăng ít nhất 7% kể từ 2011. Các ngành du lịch, may mặc, xây dựng và bất động sản, và ngành nông nghiệp đã giúp cho Cambodia phát triển mạnh mẽ. Khoảng 600,000 người, chủ yếu là phụ nữ, được tuyển dụng vào ngành dệt may và da giày. Và thêm 500,000 người được tuyển dụng vào ngành du lịch, thêm 50,000 người trong lĩnh vực xây dựng.

Du lịch tăng trưởng rất mạnh mẽ từ khoảng 2 triệu lượt khách quốc tế vào năm 2007, đã lên mức gần 4.8 triệu năm 2015. Khai khoáng cũng là ngành thu hút các nhà đầu tư và chính phủ hiện đang mở ra các cơ hội mới về khai thác bauxite, vàng, kim loại và đá quý.

Cambodia vẫn là một trong những quốc gia nghèo nhất trong Châu Á, phát triển kinh tế khó khăn do tham nhũng, học thức còn hạn chế, khoảng cách giàu nghèo lớn, hạ tầng cơ sở ở một số vùng còn rất kém. Ngoài ra, người dân còn bị hạn chế về học hành và kỹ năng lao động đặc biệt tại một số vùng quê nghèo.

Chính phủ Campuchia đang làm việc với nhiều tổ chức tài trợ song phương và đa phương, bao gồm Ngân hàng Phát triển Châu Á, Ngân hàng Thế giới và IMF, để giải quyết nhiều nhu cầu cấp thiết của đất nước; hơn 30% ngân sách chính phủ xuất phát từ các tổ chức tài trợ quốc tế. Một thách thức lớn về kinh tế cho Campuchia trong thập kỷ tiếp theo là việc thay đổi môi trường kinh doanh trong đó khu vực tư nhân có thể tạo ra đủ việc làm để xử lý sự mất cân bằng dân số của Campuchia.



2. Các chỉ số kinh tế:

	2012	2013	2014	2015
GDP (ppp) (tỷ USD)	36.59	47.34	50.65 tỷ USD	54.17 tỷ USD Hạng 107 toàn cầu
GDP (OER) (tỷ USD)	14.25	15.64	16.9 tỷ USD	17.71 tỷ USD
Tăng trưởng GDP (%)	6.5%	7.4%	7%	7%
GDP theo đầu người (USD/ đầu người)	2,400	3,100	3,300	3,500
GDP theo ngành	<p>Dịch vụ 43% Nông nghiệp 29% Công nghiệp 28%</p>			
Lực lượng lao động		8.8 triệu	7.9 triệu	7.97 triệu
Phân bố lao động	<p>Dịch vụ 31.47% Nông nghiệp 48.65% Công nghiệp 19.88%</p>			
Tỷ lệ thất nghiệp	0.3% (2010)	0% (2011)	0.2% (2012)	0.3%(2013)
Tỷ lệ lạm phát	4.5%	3.2%	4.2%	1.4%
Mặt hàng nông nghiệp	gạo, cao su, ngũ cốc, ngô, hạt dẻ, bột sắn, lúa			
Các ngành công nghiệp	du lịch, dệt may, xây dựng, đánh bắt cá, gỗ và sản phẩm gỗ, cao su, xi măng, khai quặng, dệt may			
Tổng Kim ngạch XNK	14.988 tỷ USD	15.676 tỷ USD	18.02 tỷ USD (tăng 14.9%)	18.51 tỷ USD Tăng 2.7%
Kim ngạch xuất khẩu	6.148 tỷ USD	6.781 tỷ USD (tăng 10.3%)	7.4 tỷ USD (tăng 9%)	7.86 tỷ USD (tăng 6.2%)
Mặt hàng chính	quần áo, sản phẩm gỗ, cao su, gạo, cá, thuốc lá, giày dép			



Bạn hàng XK chính	Mỹ 24%, Anh 8.8%, Đức 8.1%, Canada 7%, Nhật Bản 6% Việt Nam 5%, Thái Lan 5%, Hà Lan 4%, Trung Quốc 4%			
Kim ngạch nhập khẩu	8.84 tỷ USD	8.895 tỷ USD (tăng 0.6%)	10.62 tỷ USD (Tăng 19%)	10.65 tỷ USD (tăng 0.2%)
Mặt hàng chính	sản phẩm dầu khí, thuốc lá, vàng, vật liệu xây dựng, máy móc thiết bị, động cơ xe cộ, dược phẩm			
Bạn hàng NK chính	Thái Lan 28%, Trung Quốc 20%, Việt Nam 16%, Singapore 7%, Hồng Kông 6%, Hàn Quốc 4%			

3. Những điểm mạnh của Campuchia và những lý do nên đầu tư vào Campuchia.

Khi một nhà đầu tư đến với Campuchia, họ quan tâm đến các vấn đề sau

+Sự ổn định chính trị: hiện nay Campuchia đã ổn định được chính trị.

+Sự ổn định kinh tế vĩ mô, Campuchia cũng đã có được điều này mặc dù bị ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới. Tuy nhiên, khủng hoảng kinh tế ảnh hưởng đến tất cả các quốc gia chứ không riêng chỉ Campuchia. Ngoại trừ điều này, nền kinh tế Campuchia đang trong tình trạng tích cực.

+Hành lang pháp lý vững chắc cho các doanh nghiệp, có nghĩa là các quy định quy tắc quốc tế cũng đang được thực hiện tại Campuchia.

+Khả năng hội nhập vào thị trường quốc tế. Các nhà đầu tư đến Campuchia để sản xuất sản phẩm xuất khẩu sang thị trường Châu Âu trên nền tảng Campuchia không bị rào cản về quota trên thị trường này. Đối với Canada, Nhật Bản, Hàn Quốc, Ấn Độ và các quốc gia lớn khác cũng vậy, toàn bộ đều là miễn thuế và không áp dụng quota. Bên cạnh đó, một vấn đề quan trọng khác là Campuchia có một chính sách thương mại hoàn toàn rộng mở.

4. Về một số hạn chế trong việc đầu tư kinh doanh tại Campuchia và những nỗ lực hiện tại của Chính phủ để khắc phục những hạn chế này.

Người ta thường cho rằng Campuchia chỉ là một thị trường nhỏ. Campuchia chỉ có gần 16 triệu dân trong khi đó các nước láng giềng có tới 70-80 triệu dân, các nước phía Nam có tới hơn 200 triệu dân, và ở phía Bắc là hơn 1 tỷ. Khi các nhà đầu tư quan tâm đến khu vực, trong khi Campuchia cố gắng thu hút đầu tư thì họ lại chọn Thái Lan và Việt Nam vì các nước này có thị trường nội địa lớn hơn Campuchia. Vậy thì chúng ta cần phải mang đến cho các nhà đầu tư một cách kinh doanh khác tại Campuchia.



Một khó khăn nữa là cơ sở hạ tầng tại Campuchia vẫn chưa hoàn thiện. Tuy nhiên, trong nhiều năm qua, có thể thấy Chính phủ Campuchia đã cố gắng cải thiện cơ sở hạ tầng.

Campuchia còn gặp khó khăn về vấn đề giá điện. Tuy nhiên, các công trình thủy điện đã bắt đầu được triển khai xây dựng. Trong thời gian không đến 10 năm tới, nhiều nhà máy điện ở Pursat, Koh Kong và phía Đông Bắc Campuchia sẽ phát điện. Và vấn đề giá điện sẽ không còn là một khó khăn đối với các nhà đầu tư kinh doanh tại Campuchia.

Campuchia đang có một thế ưu tiên, đó là khả năng xâm nhập thị trường, trong khi đó các nước láng giềng lại không có ưu thế đó. Lào và Myanmar cũng có lợi thế như Campuchia, đó cũng là các nước kém phát triển, nhưng Lào không có cửa ra biển, còn Myanmar thì lại không có quyền xâm nhập thị trường các nước phát triển. Trong khối ASEAN, chỉ có Campuchia là có lợi thế lớn nhất để phát triển với tư cách là một nước kém phát triển.

III. QUAN HỆ KINH TẾ THƯƠNG MẠI VỚI VIỆT NAM:

1 – Văn bản đã ký kết:

- a. Hiệp định về Hợp tác kinh tế thương mại. (03/4/1994)
- b. Hiệp định về thành lập Ủy ban Hỗn hợp về kinh tế, văn hoá, khoa học kỹ thuật (03/4/1994).
- c. Hiệp định về Quá cảnh hàng hoá (03/4/1994)
- d. Hiệp định Thương mại mới (24/3/1998).
- e. Nghị định thư về Bán điện cho Campuchia (03/7/2000).
- f. Hiệp định về Hợp tác khoa học-kỹ thuật trong lĩnh vực Nông, Lâm, Ngư nghiệp (28/8/2000).
- g. Hiệp định khuyến khích và bảo hộ đầu tư (26/11/2001)
- h. Hiệp định mua bán, trao đổi hàng hoá và dịch vụ thương mại khu vực biên giới Việt Nam - Campuchia (26/11/2001)
- i. Hiệp định Tương trợ tư pháp về lĩnh vực dân sự (21/1/2013)

2 – Hợp tác Thương mại

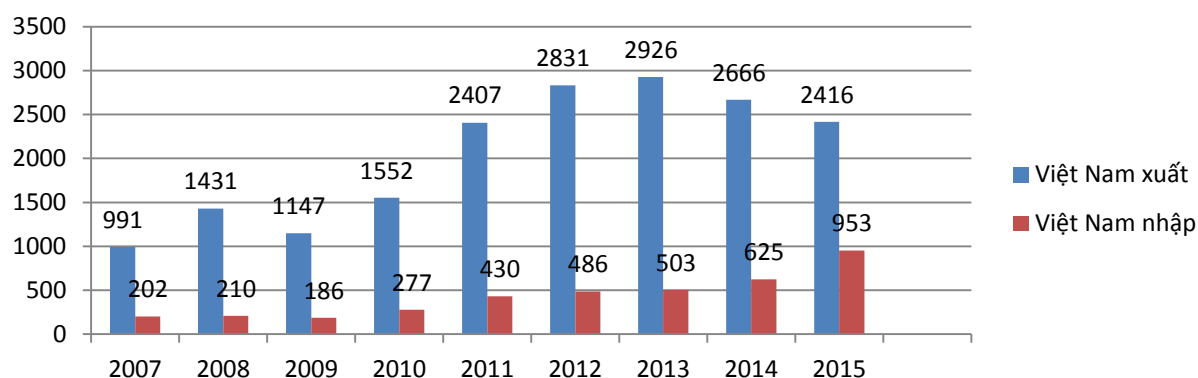
Việt Nam xuất sang Campuchia: hàng dệt may, xăng dầu các loại, vật liệu xây dựng, tân dược, thực phẩm và hàng tiêu dùng. Việt Nam nhập từ Campuchia: hàng nông sản, cao su, sản phẩm nông nghiệp, nguyên phụ liệu dệt may da, gỗ và sản phẩm từ gỗ, vàng.



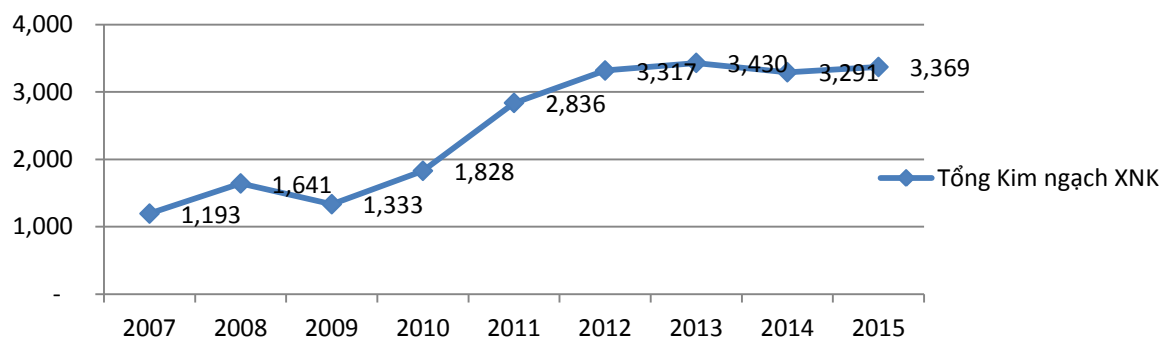
Kim ngạch buôn bán hàng năm với Việt Nam trong những năm qua: (Đơn vị tính : triệu USD)

Năm	Việt Nam xuất	Việt Nam nhập	Tổng kim ngạch	Mức tăng (%)	XK chiếm %
2008	1,430	209	1,640	37.5%	87.2%
2009	1,146	186	1,333	-18.7%	86%
2010	1,551	276	1,828	37.1%	84.8%
2011	2,406	429	2,836	55.1%	84.8%
2012	2,830	486	3,316	16.9%	85,3%
2013	2,926	503	3.430	3.4%	85,3%
2014	2,666	625	3,291	-4.03%	81.01%
2015	2,416	953	3,369	2.37%	71.71%
6 tháng 2016	1,084	446	1,530		

Biểu đồ XK và NK giữa VN và Campuchia (đơn vị: triệu USD)



Biểu đồ tổng Kim ngạch XNK giữa VN và Campuchia (tính theo triệu USD)





Các mặt hàng xuất nhập khẩu chính năm 6 tháng đầu năm 2016

VN NK từ CAMPUCHIA	6 tháng 2016 (triệu USD)	Cả năm 2015
Hạt điều	111	133
Gỗ và sản phẩm từ gỗ	86	386
Cao su	28	76
Nguyên phụ liệu thuốc lá	2.3	15
Ngô	1.3	1.7
Phế liệu sắt thép	0.08	0.8

VN XK đi CAMPUCHIA	6 tháng 2016 (triệu USD)	Cả năm 2015
Xăng dầu các loại	163	373
Sắt thép các loại	141	386
Hàng dệt may	105	204
Nguyên phụ liệu dệt may, da giày	75	145
Sản phẩm từ chất dẻo	47	102
Thức ăn gia súc, nguyên liệu	41	118
Phân bón các loại	30	115
Phương tiện vận tải, phụ tùng	19	59

3. Tình hình đầu tư:

Tính đến năm 2015, Campuchia có 12 dự án với tổng số vốn đầu tư hơn 52 triệu USD. Đứng thứ 52 trong hơn 100 quốc gia và vùng lãnh thổ có đầu tư vào VN, và đứng thứ 8 trong số các nước ASEAN đầu tư vào VN.

Trong 6 tháng 2016, Campuchia có thêm 3 dự án đầu tư mới với tổng số vốn 3.1 triệu USD.

4. Triển vọng phát triển kinh tế-thương mại với Việt Nam trong những năm tới:

Campuchia là thị trường rất gần với Việt Nam, có 9 tỉnh biên giới chung, 9 cửa khẩu quốc tế, 9 cửa khẩu quốc gia, 30 cửa khẩu phụ và nhiều đường mòn, có địa hình tương đối bằng phẳng, hệ thống kênh rạch đi lại thuận lợi ở cả hai bên, khoảng cách từ TP. Hồ Chí Minh đến Phnôm



Pênh chỉ có 230 km. Như vậy hai nước có nhiều điều kiện thuận lợi đẩy mạnh hợp tác trên nhiều lĩnh vực.

Về kinh tế, quan hệ hợp tác giữa hai nước trong những năm qua đã được tăng cường cả về chiều rộng lẫn chiều sâu. Trong những năm qua, hai nước đã tạo ra được một môi trường pháp lý thuận lợi về nhiều mặt thương mại, dành nhiều ưu đãi cho doanh nghiệp và hàng hóa của nhau. Đặc biệt, các mặt hàng nông sản có xuất xứ Campuchia được hưởng ưu đãi thuế suất thuế nhập khẩu 0% của Việt Nam. Các cơ chế, chính sách về quản lý các hoạt động thương mại biên giới đã được triển khai thực hiện thống nhất trên phạm vi cả nước. Kim ngạch buôn bán hai chiều giữa hai nước không ngừng tăng, năm sau cao hơn năm trước.

Các quan chức Campuchia nói rằng giao thương hai nước dự kiến tăng 27% mỗi năm. Hiện nay, Việt Nam xuất khẩu sang Campuchia các mặt hàng chủ lực: xăng dầu, dệt may, sắt thép, chất dẻo và máy móc thiết bị phụ tùng. Campuchia xuất khẩu các hàng như hạt điều, ngô, nguyên phụ liệu thuốc lá, cao su, và các sản phẩm từ gỗ sang Việt Nam.

3. Tập quán Kinh doanh:

Giờ làm việc

- Giờ làm việc của cơ quan văn phòng thương mại: sáng từ 7 giờ 30 tới 12 giờ, chiều từ 13 giờ 30 tới 17 giờ.
- Các văn phòng chính phủ: sáng từ 7 giờ 30 tới 11 giờ 30, chiều từ 14 giờ tới 17 giờ 30.

Danh thiếp

- Nên trao đổi danh thiếp sau khi chào hỏi ban đầu
- Nếu có thể thì nên in một mặt của danh thiếp của bạn được dịch sang tiếng Khơ-me

Một số phong tục, tập quán văn hóa khác cần lưu ý

- Người Campuchia luôn coi trọng sự bình tĩnh trong mọi trường hợp. Nếu bạn không muốn mất lòng đối tác hoặc muốn công việc thuận lợi thì tốt nhất không nên biểu lộ sự bực tức.
- Tuyệt đối không được chạm vào đầu ai dù bạn chỉ muốn biểu lộ thái độ thân thiện vì ở Campuchia, hành động này được coi là sự sỉ nhục.
- Dùng chân chỉ vào đồ vật cũng bị coi là hành động khiếm nhã, không lịch thiệp.
- Nói to và các hoạt động náo nhiệt không được hoan nghênh còn mỉm cười và gật đầu sẽ mang lại sự thân thiện.



- Các cử chỉ, hành động biểu lộ tình cảm không được hoan nghênh nơi công cộng, đặc biệt là giữa những người khác giới.
- Người Campuchia có thói quen xĩa răng bằng một tay, tay còn lại dùng để che miệng.
- Mặc dù không phải là quy định song một món quà nhỏ có biểu tượng của công ty, một lời mời cho bữa ăn trưa hay tối rất được hoan nghênh.
- Chắp tay trước ngực và hơi cúi mình chào nhau thông dụng như việc bắt tay ở các dân tộc khác. Nữ luôn chào theo kiểu truyền thống nhưng nam giới thì có thể bắt tay. Người Campuchia không quá cầu nệ, họ có thể chấp nhận người nước ngoài chào theo cách khác. Tuy nhiên, trong các buổi gặp mặt trịnh trọng, hình thức thì chào theo kiểu truyền thống được coi là lịch sự và rất được hoan nghênh.
- Khi được người khác chào, bạn cần phải đáp lại, nếu không sẽ bị coi là rất bất lịch sự.
- Do khí hậu nóng ẩm nên chỉ cần mặc đơn giản trong hầu hết các trường hợp. Trong các cuộc gặp chính thức hoặc khi tham gia các nghi lễ, sự kiện thì càng mặc chỉnh tề, hình thức càng tốt. Quần shorts, áo ngắn, dép Sandals không được chấp nhận khi vào các cơ quan nhà nước cũng như những địa điểm tín ngưỡng, tôn giáo.
- Đối với nữ giới, cần lưu ý không nên mặc đồ quá ngắn, không dùng các loại vải trong, mỏng trong bất kỳ trường hợp nào.

IV. QUAN HỆ NGOẠI GIAO – CHÍNH TRỊ VỚI VIỆT NAM

1. Quan hệ ngoại giao:

Ngày thiết lập quan hệ ngoại giao chính thức: 24/6/1967.

2. Quan hệ chính trị:

Hai nước thiết lập quan hệ ngoại giao ngày 24/6/1967. Năm 2007, hai nước đã tổ chức nhiều hoạt động trọng thể kỷ niệm 40 năm ngày thiết lập quan hệ ngoại giao.

Năm 1930, Đảng Cộng sản Đông Dương ra đời, sau một thời gian lãnh đạo đã tách ra thành 3 đảng độc lập (Đảng Lao động Việt Nam năm 1951; Đảng Nhân dân cách mạng Lào năm 1955; Đảng Nhân dân cách mạng Khmer năm 1951).

Từ 1954-1970, chính quyền Xi-ha-núc thực hiện chính sách hoà bình trung lập tích cực, từng bước có quan hệ tốt với các lực lượng cách mạng Việt Nam, ủng hộ cuộc đấu tranh chống Mỹ cứu nước và thống nhất tổ quốc của Việt Nam. Tháng 3/1965, Hội nghị nhân dân các nước Đông Dương họp ở Phnôm Pênh, Mặt trận đoàn kết chống Mỹ của nhân dân các nước Đông Dương được hình thành.



Từ tháng 4/1975-7/1/1979: Chế độ diệt chủng Pôn-pốt cầm quyền ở Campuchia. Chúng thi hành chính sách thù địch với Việt Nam, gây ra nhiều cuộc xung đột ở khu vực biên giới Tây Nam và tiến hành cuộc chiến tranh biên giới chống Việt Nam.

Ngày 7/1/1979, nước Cộng hòa nhân dân Campuchia ra đời. Từ 1979-1989, quân đội Việt Nam ở Campuchia giúp nhân dân Campuchia ngăn chặn chế độ diệt chủng Pôn-pốt và giúp nhân dân Campuchia hồi sinh. Cuối 1989, Việt Nam rút hết quân khỏi Campuchia. Campuchia vừa long trọng kỷ niệm 30 năm ngày lật đổ Chế độ diệt chủng Khmer đỏ (7/1/1979-7/1/2009).

Việt Nam và CHND Campuchia đã ký Hiệp định về Vùng nước lịch sử năm 1982, Hiệp ước về Nguyên tắc giải quyết vấn đề biên giới quốc gia giữa hai nước năm 1983, Hiệp định về quy chế biên giới năm 1983, Hiệp ước hoạch định biên giới quốc gia Việt Nam-Campuchia năm 1985; (nhân chuyến thăm chính thức Việt Nam của Thủ tướng Hun Sen tháng 10/2005, hai nước đã ký Hiệp ước Bổ sung Hiệp ước Hoạch định Biên giới Quốc gia năm 1985).

Tháng 10/1991, Việt Nam tham gia ký Hiệp định Pa-ri về Campuchia. Tháng 5/1993, Campuchia tiến hành Tổng tuyển cử do LHQ tổ chức bầu Quốc hội lập hiến, sau đó Chính phủ Hoàng gia Campuchia được thành lập.

Từ năm 1993 đến nay, quan hệ Việt Nam-Campuchia không ngừng được củng cố và phát triển về mọi mặt. Đặc biệt, tại chuyến thăm Campuchia của Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh tháng 3/2005, hai bên đã nhất trí phương châm phát triển quan hệ hai nước trong thời kỳ mới theo hướng “láng giềng tốt đẹp, hữu nghị truyền thống, hợp tác toàn diện, bền vững lâu dài”.

V. QUAN HỆ HỢP TÁC VỚI VCCI

- Ngày 27 tháng 2 năm 2007, VCCI đã phối hợp với các cơ quan hữu quan tổ chức đoàn Doanh nghiệp tháp tùng Chủ tịch nước Nguyễn Minh Triết thăm chính thức Campuchia

VI. ĐỊA CHỈ HỮU ÍCH

Cơ quan đại diện của Campuchia tại Việt Nam:

❖ Đại sứ quán Campuchia tại Hà Nội:

Địa chỉ: 71 Trần Hưng Đạo,

Ambassador: H.E. Mr. PRAK NGUON HONG

Tel: (844) 942 4789 / 942 4788

Fax: (844) 942 3225

E-mail: camemb.vnm@mfa.gov.kh



❖ **Tổng lãnh sự quán Campuchia tại T.P Hồ Chí Minh:**

41 Phùng Khắc Khoan, Phường Đakao, Quận 1

Tel: 8292751; E-mail: cambocg@hcm.

Royal Consulate General of Cambodia

Cơ quan đại diện của ta tại Campuchia:

❖ **Đại Sứ quán Việt Nam tại Campuchia**

Địa chỉ: 436 Monivong Blvd, Khan Chamcarmon, Phnompenh.

Đại sứ VN tại Campuchia: Ông Thạch Dư

Điện thoại: +85523726274

Fax: +85523726495 | Website: <http://www.vietnamembassy-cambodia.org/vi/>

Email: ttepc@mofa.gov.vn, vnembpnh@angkornet.com.kh

Tham tán Công sứ Nguyễn Bảo

Địa chỉ: 67 Samdech Pan (ex. 214 st.) Phnom Penh, Cambodia

Điện thoại: (+855) 979333579;

Email: kh@moit.gov.vn; baon@moit.gov.vn

Fax: (855) 23 217 886

❖ **Tổng lãnh sự quán Việt Nam tại Sihanouk Ville**

Đ/c: Ekareach Str, Mitaphiep Dis

Tel: 00-855-933466; Email: TLSQSIHA@camintel.com

❖ **Tổng Lãnh sự quán Việt Nam tại Battambang**

Tel: 00-855-83370149; Email: lsqvn.bat@camintel.com

❖ **Đại diện thương mại Việt Nam tại Campuchia:**

Đ/c: 67, Samdech Pan, Street 214 Phnompenh. Mobile: 855 23 12 852533

❖ **Đại diện hàng không Việt Nam tại Campuchia:**

41, Street 214, Phnom Penh, Tel: 855 23 215998

❖ **Đại diện du lịch/Công ty Du lịch Toserco**

429 Monivong, Phnompenh, Cambodia. Tel: 855 23 722 897.

❖ **Cambodia Chamber of Commerce**



Building No.7D, Russian Blvd, Sangkat Tek Laok 1, Khan Toul Kok, Phnom Penh, Cambodia

Tel: (+855) 23 880 795 Fax: (+855) 23 881 757

Email: info@ccc.org.kh

❖ **Các nguồn thông tin tham khảo**

*Website CIA – The World Factbook

*Website Bộ Ngoại giao Việt Nam

*Website Tổng cục Thống kê Việt Nam

* Website Tổng cục Hải quan Việt Nam



PHỤ LỤC THAM KHẢO

Bảng 1. Xuất khẩu VN – Campuchia

BỘ TÀI CHÍNH
TỔNG CỤC HẢI QUAN

Biểu số 5X/TCHQ
Cục CNTT & Thống kê Hải quan

Sơ bộ

XUẤT KHẨU NƯỚC/VÙNG LÃNH THỔ - MẶT HÀNG CHỦ YẾU
Tháng 6 năm 2016

Nước/Mặt hàng chủ yếu	ĐVT	Số liệu tháng báo cáo		Cộng dồn đến hết tháng báo cáo	
		Lượng	Trị giá (USD)	Lượng	Trị giá (USD)
CAMPUCHIA			196.270.016		1.084.488.551
Hàng thủy sản	USD		1.436.632		6.469.288
Hàng rau quả	USD		70.860		1.555.331
Cà phê	Tấn	44	205.756	202	836.954
Bánh kẹo và các sản phẩm từ ngũ cốc	USD		4.177.748		23.857.320
Thức ăn gia súc và nguyên liệu	USD		9.720.000		41.503.836
Clanhke và xi măng	Tấn	26.995	1.496.922	178.837	9.960.109
Xăng dầu các loại	Tấn	52.806	25.239.304	402.863	163.846.664
Hóa chất	USD		1.868.174		10.136.353
Sản phẩm hóa chất	USD		4.847.439		27.063.182
Phân bón các loại	Tấn	34.526	11.613.827	93.078	29.937.052
Chất dẻo nguyên liệu	Tấn	732	942.089	2.713	3.369.912
Sản phẩm từ chất dẻo	USD		8.291.415		47.530.338
Sản phẩm từ cao su	USD		305.751		1.712.977
Gỗ và sản phẩm gỗ	USD		2.383.410		5.713.779
Giấy và các sản phẩm từ giấy	USD		2.865.982		19.931.671
Xơ, sợi dệt các loại	Tấn	563	1.432.322	3.651	8.598.884
Hàng dệt, may	USD		20.103.939		105.769.266
Nguyên phụ liệu dệt, may, da, giày	USD		12.022.881		75.103.369
Sản phẩm gốm, sứ	USD		1.322.239		10.210.881
Thủy tinh và các sản phẩm từ thủy tinh	USD		46.220		2.725.105
Sắt thép các loại	Tấn	49.059	24.018.648	312.872	141.773.659
Sản phẩm từ sắt thép	USD		5.634.018		32.123.376
Kim loại thường khác và sản phẩm	USD		3.057.327		18.896.266
Điện thoại các loại và linh kiện	USD		171.800		402.154
Máy móc, thiết bị, dụng cụ phụ tùng khác	USD		4.267.489		35.898.247
Dây điện và dây cáp điện	USD		3.521.697		16.066.845
Phương tiện vận tải và phụ tùng	USD		2.946.920		19.880.858
Sản phẩm nội thất từ chất liệu khác gỗ	USD		673.140		3.891.375



Bảng 2. Nhập khẩu VN – Campuchia

BỘ TÀI CHÍNH
TỔNG CỤC HẢI QUAN

Biểu số 5N/TCHQ
Cục CNTT & Thống kê Hải quan

Sơ bộ

NHẬP KHẨU NƯỚC/VÙNG LÃNH THỔ - MẶT HÀNG CHỦ YẾU
Tháng 6 năm 2016

Nước/Mặt hàng chủ yếu	ĐVT	Số liệu tháng báo cáo		Cộng dồn đến hết tháng báo cáo	
		Lượng	Trị giá (USD)	Lượng	Trị giá (USD)
CAMPUCHIA			35.126.185		446.337.515
Hạt điều	Tấn	1.650	2.464.000	75.240	111.595.500
Ngô	Tấn	1.600	388.000	5.502	1.379.100
Nguyên phụ liệu thuốc lá	USD		1.470.000		2.317.900
Cao su	Tấn	5.241	6.154.286	24.909	28.621.719
Gỗ và sản phẩm gỗ	USD		12.326.789		86.042.666
Phế liệu sắt thép	Tấn	134	23.407	466	80.741



<http://www.nhandan.com.vn/kinhte/nhan-dinh/item/28834302-kinh-te-campuchia-tang-truong-kha-quan.html>

<http://www.doanhnhansaigon.vn/nhat-ky-lu-hanh/campuchia-muoi-nam-tro-lai/1095005/>

<http://www.vilacaed.org.vn/viet-nam-va-campuchia-can-tang-cuong-hop-tac-trong-thuong-mai-dau-tu/>